



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA NGHỆ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp
(Graduation internship)
- Mã học phần: ...
- Số tín chỉ: 5 (a/b/c) [A: số tín chỉ của HP, a: số tín chỉ lý thuyết, b: số tín chỉ thực hành/thực tập/ đồ án/ khóa luận:, c = $2 \times a$: số tín chỉ tự học]
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: ...
- Đơn vị phụ trách: Khoa Nghệ thuật
- Số giờ tín chỉ: 300 giờ, trong đó:
- Lý thuyết: 0 tiết (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
- Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
- Thực tập: 300 giờ (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
- Đồ án/ Khóa luận 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thuận Hải Thảo
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0933259197
- Email: phamthuanhaithao263@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Chu Văn Hòa
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Truyền thông - Trường Đại học Hoa Sen
- Điện thoại: 0978899585
- Email: chuhoavtv@gmail.com

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thực tập tốt nghiệp là một cơ hội để sinh viên áp dụng kiến thức đã học trong chương trình đào tạo vào thực tế làm việc. Trong quá trình thực tập, sinh viên

thường làm việc tại một doanh nghiệp hoặc tổ chức trong ngành học của mình. Điều này giúp họ trải nghiệm môi trường làm việc thực tế và học hỏi từ các chuyên gia trong lĩnh vực đó. Sinh viên sẽ được giao các nhiệm vụ liên quan đến chuyên môn của mình, có thể là dự án hoặc công việc hàng ngày. Điều này cho phép họ hiểu rõ hơn về cách thức hoạt động của một công ty hoặc tổ chức trong ngành, từ đó nâng cao kỹ năng chuyên môn, giao tiếp, và làm việc nhóm. Học phần cũng giúp sinh viên xây dựng mạng lưới quan hệ với các chuyên gia trong ngành, mở ra cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, quá trình thực tập cũng cung cấp cơ hội để sinh viên phản ánh và đánh giá lại kiến thức, kỹ năng của mình, từ đó xác định những gì cần cải thiện.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về quá trình làm việc thực tế trong lĩnh vực học thuật. Có cơ hội áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế, làm việc trong môi trường chuyên nghiệp và học cách quản lý thời gian, giao tiếp và hợp tác với các đồng nghiệp. Nắm vững kiến thức chuyên ngành, hiểu rõ hơn về các quy trình, phương pháp làm việc trong ngành.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công việc thực tế trong ngành học của họ. Nó tạo điều kiện cho sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tiễn, rèn luyện kỹ năng chuyên môn, giải quyết vấn đề, và trải nghiệm môi trường làm việc chuyên nghiệp. Thông qua quá trình thực tập, sinh viên cũng học cách làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả, và phát triển các kỹ năng mềm cần thiết cho sự nghiệp.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về áp dụng lý thuyết vào thực tiễn trong lĩnh vực của mình. Người học có cơ hội thực hành, rèn luyện kỹ năng chuyên môn và giải quyết các vấn đề thực tế. Đồng thời, họ được hướng dẫn phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, và quản lý dự án.

- Trang bị kiến thức về kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Cách quản lý thời gian hiệu quả để hoàn thành các nhiệm vụ đúng hạn.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu và phân tích các quy trình thực tế trong sản xuất điện ảnh và truyền hình.
CLO2	Trình bày được kiến thức chuyên môn về đạo diễn trong môi trường làm việc thực tế.
Kỹ năng	
CLO3	Vận dụng thành thạo kỹ năng đạo diễn trong tổ chức sản xuất phim, chương trình truyền hình.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
CLO4	Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trong vai trò đạo diễn tại các dự án thực tế.
CLO5	Giao tiếp, phối hợp và giải quyết vấn đề chuyên môn trong môi trường làm việc nhóm.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO6	Chủ động tổ chức, quản lý công việc thực tập, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ với tinh thần trách nhiệm cao.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X	X			x							
CLO2	X											
CLO3			X			x	x		x			
CLO4				X								x
CLO5					X		X			x	x	
CLO6	x		x					x				

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	Giới thiệu về thực tập tốt nghiệp	CLO2, CLO5
1.1	Mục tiêu, yêu cầu và kế hoạch thực tập	
1.2	Quy trình, nội quy, và các chuẩn mực nghề nghiệp trong môi trường làm việc thực tế. Định hướng chọn dự án thực tập phù hợp với chuyên ngành đạo diễn	
Chương 2	Chuẩn bị công tác thực tập	CLO3, CLO4, CLO6
2.1	Xây dựng kế hoạch và đề cương thực tập	
2.2	Tìm hiểu và nghiên cứu dự án, tổ chức, và các vai trò trong quá trình sản xuất. Chuẩn bị kỹ năng cần thiết	

	trước khi tham gia thực tập	
Chương 3	Thực hiện thực tập tại đơn vị sản xuất	CLO1, CLO3
3.1	Tham gia các công việc thực tế của đạo diễn: xây dựng kịch bản, dàn dựng, chỉ đạo diễn xuất, tổ chức trường quay	
3.2	Giao tiếp và phối hợp với các bộ phận khác trong đoàn làm phim. Áp dụng kiến thức và kỹ năng vào các tình huống thực tế	
Chương 4	Giám sát và đánh giá quá trình thực tập	
4.1	Thu thập báo cáo, nhật ký công việc, tài liệu minh chứng	
4.2	Tự đánh giá và nhận phản hồi từ cán bộ hướng dẫn thực tập. Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập	
Chương 5	Báo cáo và bảo vệ kết quả thực tập	
5.1	Soạn thảo báo cáo thực tập khoa học, logic và chuyên nghiệp	
5.2	Trình bày và bảo vệ kết quả thực tập trước hội đồng. Phản biện và tiếp nhận góp ý từ giảng viên, chuyên gia	
Chương 6	Rút kinh nghiệm và phát triển nghề nghiệp	
6.1	Đánh giá tổng quan về năng lực bản thân qua thực tập	
	Xác định hướng phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Kỹ năng xây dựng mạng lưới nghề nghiệp và nâng cao năng lực liên tục	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	
	Người học thực hiện các nhiệm vụ cá nhân trong dự án thực tập: tham gia xây dựng kịch bản, lên kế hoạch dàn dựng, hỗ trợ chỉ đạo diễn xuất, tổ chức thực hiện quay phim tại đơn vị sản xuất. Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để thực hành các công việc thực tế, thể hiện sự tự chủ và trách nhiệm trong môi trường làm việc chuyên nghiệp	

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.2.	Bài tập nhóm	
	Các nhóm học viên phối hợp xây dựng và hoàn thiện một sản phẩm phim ngắn hoặc chương trình truyền hình thực tế, từ khâu lên ý tưởng đến hậu kỳ. Các nhóm sẽ trình bày báo cáo tiến độ, kết quả làm việc và những khó khăn gặp phải trước lớp để nhận phản hồi từ giảng viên và bạn bè. Người học phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức và quản lý dự án, giao tiếp hiệu quả và giải quyết vấn đề	

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Chương 1: Giới thiệu về thực tập tốt nghiệp	3	1		16	24	
2	Chương 2: Chuẩn bị công tác thực tập	3	2		10	15	
3	Chương 3: Thực hiện thực tập tại đơn vị sản xuất	3	2		14	21	
4	Chương 4: Giám sát và đánh giá quá trình thực tập	3	2		10	15	
5	Chương 5: Báo cáo và bảo vệ kết quả thực tập	3	2		10	15	
6	Chương 6: Rút kinh nghiệm và phát triển nghề nghiệp	3	3				
Tổng		18	12		60	90	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Nghiên cứu, lên kế hoạch, tổ chức và thực hiện một dự án phim ngắn hoặc phim tài liệu. Sinh viên phải phân tích các khía cạnh của quá trình sản xuất, bao gồm kịch bản, quay phim, ánh sáng, âm thanh, biên tập, và hậu kỳ.

2. Nghiên cứu và phân tích các kỹ thuật sản xuất và hậu kỳ, như kỹ thuật quay phim, kỹ thuật ánh sáng, công nghệ chỉnh sửa và xử lý hình ảnh, hoặc kỹ thuật âm thanh trong điện ảnh.
3. Nghiên cứu và phân tích cách điện ảnh ảnh hưởng đến xã hội, bao gồm cả các tác động tích cực và tiêu cực.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Bài giảng lý thuyết
- Bài tập và dự án thực tế
- Phân tích và đánh giá tác phẩm
- Hội thảo và thảo luận
- Tập huấn và thực tập

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Gợi ý:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	

10. Nhiệm vụ của sinh viên

Gợi ý:

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
 - a. Điểm chuyên cần: 2/10, trọng số 8%.
 - b. Điểm kiểm tra thường xuyên: 3/10, trọng số 12%.
 - c. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5/10, trọng số 20%.
2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Thực hành

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

1. Dương Đức Anh (2023), *Báo cáo thực tập tốt nghiệp tại Trung tâm sản xuất phim Truyền hình Việt Nam (VFC)*, Lưu trữ nội bộ – Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.
2. Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh TP. HCM (2019), *Tổng hợp báo cáo tốt nghiệp đạo diễn điện ảnh hệ vừa học vừa làm*, NXB Nội bộ SKĐA TP. HCM.

3. Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (2024), *Chương trình đào tạo chuyên ngành Đạo diễn, sản xuất nội dung số*, NXB Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

13.2. Tài liệu tham khảo

1. Đinh Quang, 1997, Ảnh hưởng của nền sân khấu Xô Viết với sân khấu Việt Nam, Tạp chí Sân khấu – Số 9.
2. Hoàng Sự, 2002, Vấn đề thi pháp kịch Chekhov – NXB Văn học.
3. Nguyễn Du, 2018, Truyện Kiều, Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải, NXB Văn học.
4. Nguyễn Tất Thắng, 2009, Lý luận kịch, NXB Sân Khấu.
5. Nguyễn Đình Thi, 2008, Tiếng nói Sân Khấu, NXB Văn học.
6. Nguyễn Thị Minh Thái, 1999, Sân khấu và tôi, NXB Sân khấu
7. Trần Trí Trắc, 1995, Kịch nói Việt Nam với nghệ thuật sân khấu truyền thống, NXB Sân Khấu.
8. Richard D.Labe (2020), Âm thanh trong phim điện ảnh – truyền hình (dịch giả Nguyễn Kim Cương), NXB Hội nhà văn.
9. Richard D.labe (2020), Nghệ thuật đạo diễn phim truyện (dịch giả Nguyễn Kim Cương), NXB Hội nhà văn.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

Hiệu trưởng
Duyệt

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)